

Số: ~~1079~~ /KH-BVCB

Quảng Trị, ngày 06 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế,
chức danh Hành chính và chức danh Kế toán
tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới**

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2023;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

Căn cứ Thông tư số 41/2025/TT-BYT ngày 03/11/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

Căn cứ Thông tư 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

Căn cứ Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ nội vụ Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/06/2021 của Bộ

Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/06/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ tài chính Quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định 889/QĐ-BYT ngày 09/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về phân cấp công tác tổ chức bộ máy, tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3345/QĐ-BV ngày 17/10/2024 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới về phê duyệt Đề án vị trí việc làm; Quyết định số 3822/QĐ-BVCB ngày 09/09/2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới về phê duyệt điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của Bệnh viện;

Căn cứ Công văn số 2258/BYT-TCCB ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Bộ Y tế về việc thống nhất Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới xây dựng Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của viên chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm của Bệnh viện; tạo điều kiện để viên chức đã đào tạo nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức được đảm nhận công việc phù hợp, đồng thời đảm bảo quyền, lợi ích của viên chức và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức của Bệnh viện.

2. Yêu cầu

Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với viên chức phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;
- Đúng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị;

- Bình đẳng, công bằng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật;

- Viên chức dự xét thăng hạng phải có đủ hồ sơ theo quy định và có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN

1. Phạm vi

Kế hoạch này quy định việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) lên bác sĩ cao cấp (hạng I), từ bác sĩ (hạng III) lên bác sĩ bác sĩ chính (hạng II), từ dược sĩ (hạng III) lên dược sĩ chính (hạng II), từ điều dưỡng hạng III lên điều dưỡng hạng II, từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính, từ Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II) theo quy định của pháp luật đối với viên chức là bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, chuyên viên, kế toán viên đang làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới.

2. Đối tượng dự xét

2.1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) lên bác sĩ cao cấp (hạng I): Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 lên bác sĩ cao cấp (hạng I) mã số V.08.01.01 (sau đây viết tắt là xét thăng hạng bác sĩ cao cấp) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) mã số V.08.01.02 đang làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư số 41/2025/TT-BYT.

2.2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) lên bác sĩ bác sĩ chính (hạng II): Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03 lên bác sĩ chính (hạng II) mã số: V.08.01.02 (sau đây viết tắt là xét thăng hạng bác sĩ chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III) mã số: V.08.01.03 đang làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư số 41/2025/TT-BYT.

2.3. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ (hạng III) lên dược sĩ chính (hạng II): Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ dược sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22 lên dược sĩ chính (hạng II) mã số V.08.08.21 (sau đây viết tắt là xét thăng hạng dược sĩ chính) phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp dược sĩ (hạng III) mã số V.08.08.22 đang làm việc tại Bệnh viện

Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp được sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2015/TT-BNV, được sửa đổi bởi khoản 3, khoản 4 Thông tư số 03/2022/TT-BYT.

2.4. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ điều dưỡng hạng III lên điều dưỡng hạng II: Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12 lên Điều dưỡng hạng II, mã số V.08.05.11 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng III mã số V.08.05.12 đang làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng hạng II quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2025/TT-BYT.

2.5. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính: Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Chuyên viên mã số 01.003 lên Chuyên viên chính mã số V.08.07.17 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Chuyên viên mã số 01.003 đang làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Chuyên viên chính mã số V.08.07.17 quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, được sửa đổi bởi khoản 3, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV.

2.6. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II): Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Kế toán viên (hạng III) mã số V. 06.031 lên Kế toán viên chính (hạng II) mã số V.06.030 phải là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên (hạng III) mã số V. 06.031 đang làm việc tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện và có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Kế toán viên chính (hạng II) mã số V.06.030 quy định tại Điều 6 Thông tư số 66/2024/TT-BTC.

3. Số lượng viên chức xét thăng hạng CDNN

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức gồm: 16 viên chức (theo Công văn số 2258/BYT-TCCB ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Bộ Y tế) gồm:

- Bác sĩ chính (hạng II) lên bác sĩ cao cấp (hạng I): 02 viên chức.
- Bác sĩ (hạng III) lên Bác sĩ chính (hạng II): 08 viên chức.

- Dược sĩ (hạng III) lên Dược sĩ chính (hạng II): 01 viên chức.
- Điều dưỡng (hạng III) lên Điều dưỡng (hạng II): 01 viên chức;
- Chuyên viên (hạng III) lên Chuyên viên chính (hạng II): 03 viên chức.
- Kế toán viên (hạng III) lên Kế toán viên chính (hạng II): 01 viên chức.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng CDNN

4.1. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ chính (hạng II) lên bác sĩ cao cấp (hạng I)

Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Bác sĩ cao cấp (hạng I) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- b) Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự xét.
- c) Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.
- d) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.
- đ) Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.
- e) Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.
- f) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp:
 - Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh bác sĩ chính (hạng II) lên chức danh bác sĩ cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.
 - g) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét (trừ tiêu chuẩn về thời gian tối thiểu giữ hạng chức danh nghề nghiệp).
 - Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành y học dự phòng và ngành dịch tễ học); tiến sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt; Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ hoặc có giấy phép (chứng chỉ) hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Có đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 4 Thông tư số 41/2025/TT-BYT.

h) Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự xét.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

i) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng II đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

- Được bổ nhiệm chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

- Đạt danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân";

- Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

- Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì trở lên;

- Chủ nhiệm hoặc thành viên tham gia chính ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

- Chủ trì hoặc thành viên tham gia chính ít nhất 01 đề án hoặc 01 hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành;

- Chủ nhiệm ít nhất 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

4.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ bác sĩ (hạng III) lên bác sĩ chính (hạng II), từ dược sĩ hạng III lên dược sĩ chính hạng II, từ điều dưỡng hạng III lên điều dưỡng hạng II

Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Bác sĩ chính (hạng II), Dược sĩ chính hạng II, Điều dưỡng hạng II phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

b) Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự xét.

c) Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

d) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

đ) Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

e) Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

f) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp:

- Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh bác sĩ (hạng III) lên chức danh bác sĩ chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành y học dự phòng và ngành dịch tễ học), bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt; tối thiểu 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành y học dự phòng), bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt hoặc có bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh bác sĩ (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

- Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh dược sĩ (hạng III) lên chức danh dược sĩ chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh dược sĩ (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ nhóm ngành dược học; 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp dược sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ nhóm ngành dược học. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dược sĩ (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III lên chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

g) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét (trừ tiêu chuẩn về thời gian tối thiểu giữ hạng chức danh nghề nghiệp).

- Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh bác sĩ (hạng III) lên chức danh bác sĩ chính (hạng II): Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ nhóm ngành Y học (trừ ngành y học dự phòng và ngành dịch tễ học); thạc sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt; Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ hoặc có giấy phép (chứng chỉ) hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Có đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư số 41/2025/TT-BYT.

- Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh dược sĩ (hạng III) lên chức danh dược sĩ chính (hạng II): Tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên nhóm ngành Dược học; Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược hoặc có chứng chỉ hành nghề dược (dùng cho các hạng chức danh dược); Có đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược sĩ chính (hạng II) quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2015/TT-BNV, được sửa đổi bởi khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2022/TT-BYT.

- Đối với viên chức dự xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III lên chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II: Có bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ ngành Điều dưỡng; Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hoặc có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc có giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Có đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng II quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2025/TT-BYT.

h) Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự xét.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

i) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

- Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

- Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

- Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

- Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

- Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

- Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

- Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

- Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

4.3. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II đối với viên chức hành chính

Viên chức hành chính (Chuyên viên) xét thăng hạng lên hạng II (chuyên viên chính) khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

b) Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự xét.

c) Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

d) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

đ) Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

e) Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

f) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp:

- Có thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên thì thời gian giữ chức danh chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh chuyên viên không liên tục thì được cộng dồn);

g) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét (trừ tiêu chuẩn về thời gian tối thiểu giữ hạng chức danh nghề nghiệp).

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác; Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính; Có đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Chuyên viên chính quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, được sửa đổi bởi khoản 3, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV.

h) Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề

nghệ dự xét thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự xét.

Trường hợp có một trong các văn bản, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

i) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau:

- Tham gia xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

- Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

- Tham gia xây dựng đề án, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

k) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương có một trong các thành tích công tác sau:

- Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên;

- Có ít nhất 02 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4.4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính (hạng II)

Viên chức Kế toán viên xét thăng hạng lên Kế toán viên chính khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

b) Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự xét.

c) Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

d) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2025; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

đ) Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

e) Có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công việc phù hợp với hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng.

f) Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp:

Đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó, phải có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

g) Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét (trừ tiêu chuẩn về thời gian tối thiểu giữ hạng chức danh nghề nghiệp).

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính; Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Luật kiểm toán độc lập hoặc chứng chỉ kế toán viên theo quy định của Luật kế toán hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận; Có đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán viên chính quy định tại Điều 6 Thông tư số 66/2024/TT-BTC.

h) Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự xét.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định 85/2023/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

i) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản, nhiệm vụ khoa học từ cấp cơ sở trở lên, được cấp có thẩm quyền nghiệm thu ban hành, gồm: Văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học hoặc văn bản nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kế toán viên chính.

III. Nội dung và hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

IV. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

b) Viên chức là nữ;

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

V. HỒ SƠ

1.1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

Mỗi viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải nộp 01 bộ hồ sơ, gồm:

(1) Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Mẫu 1)

(2) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức (Mẫu 2).

(3) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định (Mẫu 3).

(4) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng (Bản sao có chứng thực hoặc bản chứng thực y sao bản chính), gồm:

- Bằng tốt nghiệp chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp dự xét;

- Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét hoặc có giấy phép (chứng chỉ) hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Chứng chỉ ngoại ngữ, tin học: Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

(5) Kết quả đánh giá xếp loại chất lượng viên chức của năm liên quan

- Bản photo kết quả đánh giá xếp loại viên chức năm 2025 có xác nhận của lãnh đạo Bệnh viện.

- Đối với viên chức dự xét thăng hạng CDNN lên Chuyên viên chính, nếu sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại để xét thì phải có ít nhất 02 bản photo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của 02 năm công tác trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương (có xác nhận của lãnh đạo Bệnh viện).

(6) *Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hiện giữ*

- Quyết định xếp lương hoặc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp

- Các quyết định liên quan (nếu có).

(7) *Minh chứng về thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp (các Quyết định)*

sau:

- Quyết định tuyển dụng, tiếp nhận;

- Quyết định bổ nhiệm vào hạng;

- Quyết định nâng lương gần nhất.

(8) *Minh chứng thành tích, kết quả hoạt động chuyên môn (Phù hợp với từng chức danh dự xét thăng hạng), gồm:*

- Quyết định công nhận đề tài, sáng kiến, nhiệm vụ khoa học;

- Văn bản nghiệm thu đề tài, đề án, quy trình chuyên môn;

- Quyết định khen thưởng (Bằng khen, danh hiệu thi đua...);

- Các tài liệu chứng minh khác theo tiêu chuẩn cụ thể.

(9) *Bản cam kết của viên chức - (Mẫu 4)*

- Cam kết hồ sơ kê khai trung thực, đầy đủ;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và đơn vị về nội dung hồ sơ.

Lưu ý: Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng. Viên chức sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng khi bị phát hiện sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định và huỷ kết quả xét thăng hạng theo quy định.

1.2. Lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký

Việc lưu trữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức do Bệnh viện (phòng Tổ chức cán bộ) lưu trữ, quản lý theo quy định.

VI. THỜI GIAN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

1.1. Xây dựng Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới: Dự kiến từ ngày 2/4-3/4/2026.

1.2. Thông báo công khai Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện: Dự kiến từ ngày 06/4/2026.

1.3. Thành lập Tổ Tiếp nhận hồ sơ và triển khai tiếp nhận hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp: Dự kiến từ ngày 06/04/2026 đến ngày 09/04/2026.

1.4. Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới (Gọi tắt là Hội đồng); Hội đồng thành lập Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, Tổ giúp việc (nếu có) theo quy định: Dự kiến ngày 10/04/2026.

1.5. Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng tiến hành thẩm định, chấm điểm hồ sơ: Dự kiến từ ngày 13/4/2026 đến 17/04/2026.

1.6. Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ cho Giám đốc Bệnh viện xem xét, quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng: Dự kiến ngày 20/4/2026 đến ngày 22/04/2026.

2. Tổ chức thực hiện

a. Phòng Tổ chức cán bộ

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới.

- Tham mưu thành lập Tổ Tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới

b. Phòng Hành chính quản trị

- Chuẩn bị các công tác hậu cần phục vụ công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại Bệnh viện.

c. Phòng Tài chính Kế toán

- Chuẩn bị kinh phí phục vụ công tác xét thăng hạng chức chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới.


Trong thời gian thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị liên hệ với bộ phận thường trực Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (qua Phòng Tổ chức cán bộ: Đ/c. Trần Thị Như Trang, số điện thoại: 0816.376.789) để được hướng dẫn.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế, chức danh Hành chính và chức danh Kế toán tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổ chức cán bộ-Bộ Y tế;
- BCH Đảng ủy, Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Đăng trang thông tin điện tử BV;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Cường

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT NAM - CU BA ĐÔNG HỚI

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Đề án số 146/ĐA-BV/CB ngày 5 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đông Hới về Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Y tế; chức danh Hành chính và chức danh Kế toán đợt 1 năm 2026 tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đông Hới)

Phụ lục 02
Mẫu 06

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Có đề án, công trình	Thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Xếp loại đánh giá viên chức hàng năm (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)	Ghi chú
								Hệ số lương	Hiện giữ		Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)		
HẠNG II LÊN HẠNG I																				
1	Hoàng Văn Công	6/2/1966	Nam		Trưởng khoa, Bác sĩ chính (hạng II)	Khoa Ngoại Thần tiết niệu	09 năm	6,10	V.08.01.02	Bác sĩ chuyên khoa II	Cao cấp	Chứng chỉ hành nghề	Tin học văn phòng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B1	Chịu nhiệm Đề tài cấp cơ sở các năm 2019, 2023, 2024, (02) 2025	Huân chương Lao động hạng Ba 2025	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025			
2	Nguyễn Thanh Hải	4/10/1975	Nam		Phó Trưởng khoa, Bác sĩ chính (hạng II)	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình	7 năm 01 tháng	5,08	V.08.01.02	Bác sĩ chuyên khoa II	Trung cấp	Chứng chỉ Quản lý cấp phòng, Chứng chỉ hành nghề	Tin học văn phòng trình độ B	Cử nhân ngôn ngữ tiếng Anh	Chịu nhiệm Đề tài cấp cơ sở các năm 2018, 2019, 2024		Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025			
HẠNG III LÊN HẠNG II																				
1	Lê Thị Hồng Diễm	6/5/1983	Nữ		Phó Trưởng phòng, Kế toán viên	Phòng Tài chính Kế toán	20 năm 2 tháng	3,99	06.031	Thạc sĩ Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng, Chứng chỉ Kế toán viên chính	Chứng chỉ Tin học năng cao	Tiếng Anh trình độ B	Tham gia 01 Đề án cấp cơ sở năm 2022 và 01 Đề án cấp cơ sở năm 2024	Bằng khen Bộ Y tế năm 2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình	Thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Xếp loại đánh giá hàng năm (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số hàng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
2	Nguyễn Hải Dũng	10/11/1979	Nam		Trưởng phòng; Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị	16 năm	3,99	01.003	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Cao cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng; Chứng chỉ Quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên chính	Tin học văn phòng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B	Tác giả của 01 Giải pháp kỹ thuật được công nhận Sáng kiến cấp cơ sở năm 2021, và Giải pháp quản lý được công nhận Sáng kiến cấp cơ sở năm 2025	Bảng khen Bộ Y tế năm 2021	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023, 2024; Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025	
3	Ngô Đình Hải	3/6/1980	Nam		Trưởng phòng; Chuyên viên	Phòng Công nghệ thông tin	13 năm kỹ sư hạng III, 3 năm chuyên viên	4,32	01.003	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng; Chứng chỉ Quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên chính	Đại học	Tiếng Anh trình độ B1	Tham gia 01 Đề án năm 2018 và 01 Đề án năm 2019, 2021	Bảng khen Bộ Y tế năm 2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022, 2023; Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025	
4	Nguyễn Thị Thu Hằng	7/21/1986		Nữ	Trưởng phòng; Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ	15 năm 11 tháng	4,32	01.003	Thạc sĩ Quản lý công	Trung cấp	Chứng chỉ Quản lý Bệnh viện; Chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng; Chứng chỉ Quản lý nhà nước ngạch Chuyên viên chính	Ứng dụng CNTT cơ bản	Đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh	Tham gia xây dựng Đề án cấp cơ sở năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024	Bảng khen Bộ Y tế năm 2017, 2021	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022, 2023; Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Vấn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hàng dự thi									
								Hệ số lương	Mã số hàng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Có đề án, công trình	Thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Xếp loại đánh giá viên chức hàng năm (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)	Chi chú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
5	Phan Thị Thanh Hương	21/11/1983	Nam	Nữ	Phó Trưởng khoa: Bác sĩ (hạng III)	Khoa khám bệnh	17 năm	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ chuyên khoa II	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng; Chứng nhân bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp bác sĩ chỉnh (hạng II); Chứng chỉ hành nghề	Kỹ thuật viên sơ cấp	Tiếng Anh trình độ B1	Chịu nhiệm đề tài cấp cơ sở các năm 2022, 2023	Bảng khen UBND tỉnh năm 2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025		
6	Hoàng Trung Thành	10/22/1985	Nam		Phó Trưởng khoa: Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại Tổng hợp	14 năm	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ chuyên khoa I	Trung cấp	Chứng chỉ hành nghề	Tin học văn phòng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B1	Chịu nhiệm đề tài các năm 2018, 2020, 2022, 2024	Bảng khen UBND tỉnh năm 2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025		
7	Nguyễn Hữu Luân	10/10/1988	Nam		Phó Trưởng khoa: Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	14 năm	3,33	V.08.01.03	Bác sĩ chuyên khoa I	Trung cấp	Chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng; Chứng chỉ hành nghề	Tin học văn phòng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B1	Tác giả Sáng kiến năm 2021, 2022, 2025	Bảng khen UBND tỉnh năm 2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025		
8	Hồ Hoàng Thị Kim Huệ	8/8/1987	Nữ	Nữ	Trưởng khoa: Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sinh hóa - Huyết học - Truyền máu	11 năm 5 tháng	3,66	V.08.01.03	Thạc sĩ Bác sĩ	Trung cấp	Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ; Quản lý Bệnh viện; Chứng chỉ hành nghề	Tin học văn phòng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B1	Đề tài cấp tỉnh năm 2017, năm 2019 và đề tài cấp cơ sở năm 2017	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2018, Bảng khen Bộ trưởng Bộ Y tế các năm 2020, 2023	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hàng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Van bảng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi							Có đề án, công trình	Thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Xếp loại đánh giá viên chức hàng năm (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)	Chức vụ
								Hệ số lương	Mã số hàng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)		
9	Trần Thị Bảo Yên	24/10/1990		Nữ	Phó Trưởng khoa, Bác sĩ (hạng III)	Khoa Sinh hóa - Huyết học - Truyền máu	9 năm 3 tháng	3,33	V.08.01.03	Thạc sĩ Bác sĩ	Trung cấp	Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ	Tin học văn phòng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B1	Đề tài cấp cơ sở năm 2021, 2022 và Sáng kiến cấp cơ sở năm 2025	Bảng khen UBND tỉnh năm 2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025			
10	Lê Hồng Nhân	10/6/1986		Nam	Phó Trưởng khoa Phụ trách khoa, Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	9 năm 4 tháng	3,33	V.08.01.03	Bác sĩ Chuyên khoa I	Trung cấp	Chứng chỉ quản lý cấp phòng, chứng chỉ chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính	Tin học văn phòng trình độ B	Tiếng anh trình độ B1	Chu nhiệm đề tài cấp cơ sở các năm 2021, 2022		Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025			
11	Nguyễn Thị Thủy Linh	7/24/1990		Nữ	Phó Trưởng khoa, Dược sĩ hạng III	Khoa Dược	9 năm 7 tháng	3,33	V.08.08.22	Dược sĩ chuyên khoa cấp II	Trung cấp	Chứng chỉ hành nghề Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Cơ nhân ngôn ngữ tiếng Anh	Tác giả của Sáng kiến năm 2020 và năm 2024		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025			
12	Nguyễn Thị Diệu Thủy	14/02/1983		Nữ	Trưởng khoa, Bác sĩ (hạng III)	Khoa Lao	18 năm	3,99	V.08.01.03	Bác sĩ Chuyên khoa I	Trung cấp	Quan lý cấp phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ B2, Tiếng Pháp trình độ B1	Chu nhiệm đề tài cấp cơ sở năm 2024 và tham gia Đề tài tỉnh năm 2014		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025			
13	Trần Bình An	10/12/1985		Nam	Phó Trưởng khoa, Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội Cơ xương khớp-Hô hấp-Da liễu	14 năm 6 tháng	3,66	V.08.01.03	Bác sĩ Chuyên khoa I	Trung cấp	Quan lý cấp phòng, Chứng chỉ hành nghề	Tin học ứng dụng trình độ B	Tiếng Anh trình độ B1	Chu nhiệm đề tài cấp cơ sở năm 2018, 2020		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025			
14	Lê Thị Xuân	2/12/1989		Nữ	Phó Trưởng phòng, Điều dưỡng hạng III	Phòng Điều dưỡng	11 năm 8 tháng	3,66	V.08.05.12	Thạc sĩ Điều dưỡng	Trung cấp	Chứng chỉ quản lý điều dưỡng, Chứng chỉ hành nghề	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tiếng Anh trình độ C	Chu nhiệm đề tài cấp cơ sở các năm 2021, 2022, 2023, 2024	Bảng khen Bộ Y tế năm 2020, 2022	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					(16)	(17)	(18)	(19)
								(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)				
TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc tương đương)	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Cơ để án, công trình	Thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Xếp loại đánh giá viên chức hàng năm (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

Tổng số người dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đợt I năm 2026: 16 người

Trong đó: Từ hạng II lên hạng I: 02 người

Từ hạng III lên hạng II: 14 người, cụ thể:

Dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Bắc sĩ hạng III lên Bắc sĩ chính (hạng II): 08 viên chức

Dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Dược sĩ hạng III lên Dược sĩ chính (hạng II): 01 viên chức.

Dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Điều dưỡng hạng III lên Điều dưỡng hạng II: 01 viên chức

Dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính: 03 viên chức

Dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Kế toán viên lên Kế toán viên chính (hạng II): 01 viên chức

